TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
ISSN: 1859-1612
Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

Ưu tư và dấn thân hiện sinh trong tiểu thuyết Nguyễn Thị Hoàng

Dương Ngọc Tố Uyên

Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 02/10/2024
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 31/12/2024
Ngày nhận đăng: 02/01/2025
Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:
Nguyễn Thị Hoàng
Tiểu thuyết
Hiện sinh
Ưu tư
Dấn thân

TÓM TẮT

Nguyễn Thị Hoàng là một trong những nhà văn nữ tiêu biểu của văn học miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Với bà, viết chính là một sự lựa chọn, một cuộc dấn thân, một cách ứng xử hiện sinh dưới góc nhìn người nữ. Cùng với hàng loạt cây bút nữ độc đáo khác, Nguyễn Thị Hoàng nỗ lực xác lập vị trí phái mình trong địa hạt văn chương. Hiện thực trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng đầy rẫy những phi lý, trống rỗng, bất trắc khiến con người bị đẩy vào vũ trụ ưu tư, dự cảm, âu lo. Các nhân vật nữ sống mạnh mẽ, dám yêu, dám đấu tranh, dấn thân trên hành trình khẳng định nhân vị, bất chấp bi kịch hay định kiến xã hội. Đồng thời, họ khám phá bản ngã qua tình yêu và tính dục. Bằng phương pháp cấu trúc – hệ thống, bài báo này tập trung soi chiếu những biểu hiện hiện sinh trong tiểu thuyết Nguyễn Thị Hoàng qua hai phương diện chính: ưu tư và dấn thân.

1. MỞ ĐẦU

Trong dòng chảy lịch sử dân tộc, 1954 - 1975 là giai đoạn đặc biệt, đầy biến động. Những biến động chính trị, xã hội không chỉ làm đảo lộn đại cục một vùng đất mà còn chi phối sâu sắc đến sinh mệnh con người. Người miền Nam luôn sống trong trạng thái lo âu, thấp thỏm, hoang mang, hoài nghi thường trực vì sự bất an bủa vây. Trong bối cảnh đó, cùng với cuộc "xâm lăng" ồ ạt của văn hoá phương Tây, chủ nghĩa hiện sinh vừa du nhập vào Việt Nam đã bắt nhịp ngay với xã hội, con người, nền văn nghệ miền Nam từ những năm 60 của thế kỷ XX. Hiện sinh đặt ra câu hỏi trọng yếu về bản thể: Tôi là ai? Tôi có ý nghĩa gì? Theo đó, con người là phép cộng của những hành vi mà nó thực hiện, nó không là thực thể sẵn có mà là cái gì đó đang trở thành, đang hình thành, đang hoàn tất bởi ý chí, ý thức tự do tuyệt đối. Dĩ nhiên triết thuyết hiện sinh đã gây ra nhiều tranh cãi trong giới phê bình học thuật bấy giờ. Thậm chí, trong suốt thời gian dài, nó bị đánh đồng với những gì suy đồi, thiếu đạo đức, buông thả, tiêu cực. Đây có thể là ảnh hưởng tự phát, nhưng cũng có thể là ảnh hưởng tự giác ở những nhà văn trực tiếp đọc lý thuyết và sáng tác văn học hiện sinh Tây Âu. Như vậy, tuy có nhiều luồng ý kiến trái chiều, thăng trầm theo hoàn cảnh lịch sử xã hội nhưng không thể phủ nhận chủ nghĩa hiện sinh tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, văn hoá, lối sống của người dân miền Nam.

Là một hình thái ý thức thẩm mỹ xã hội, cắm rễ vào lòng hiện thực, văn chương miền Nam 1954-1975 đã "rất nhanh chóng đón lấy những tư tưởng cốt lõi của hiện sinh: nỗi lo sợ, sự buồn chán, sự lạc lõng trong xã hội, sự phi lý, tự do, cam kết và hư vô, v.v" (Anh, 2020). Văn học miền Nam với những đặc điểm nhân bản, khai phóng, đa dạng, bên cạnh tinh thần dân chủ, tự do, đã là môi trường thuận lợi cho việc phát triển tài năng văn chương, và đã có những tài năng thật sự, những tác phẩm đáng kể. Dòng văn học ấy không bị cắt rời khỏi những tư tưởng, trào lưu chung của con người, đặc biệt là con người hiện đại, với những dằn vặt, suy tư, trăn trở, khủng hoảng, tìm kiếm, và với những hạnh phúc, đớn đau, chán chường, tuyệt vọng, hay những nhận thức, ý thức về bản thể, về hư vô, về vai trò của con người như một khả thể, như một giá trị (một giá trị tự tại trong cuộc sống giữa đời, hay một giá trị siêu hình khi đối mặt với hư vô hay với ý nghĩa đời người). Con người trong các tác phẩm văn học miền Nam không mang tính chất mặc định, đông cứng. Trên mảnh đất tự do màu

Tác giả liên hệ: Dương Ngọc Tố Uyên;
Địa chỉ e-mail: duongngoctouyen96@gmail.com
DOI: https://doi.org/10.26459/jse.041.2025

mỡ và khoáng đạt, con người được trình diện ở đủ mọi góc độ, gam màu, và trạng thái.Văn chương giai đoạn này đã góp phần tìm hiểu và phản ánh con người như một thân phận và một giá trị. Nó đặt con người trong cuộc hiện sinh bi tráng, hân hoan hạnh phúc lẫn những đau khổ nhọc nhằn.

Hòa trong dòng chảy chung của thời đại, các nhà văn nữ miền Nam đương thời đã lựa chọn một thái độ hiện sinh - dấn thân bằng con đường viết. Đồng thời, văn chương nữ giới còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi lý thuyết nữ quyền của nhà nữ quyền luận Simone de Beauvoir. Vì thế, họ đề cao sự hiện hữu tích cực, cùng lên tiếng và "muốn được lắng nghe". Những cái tên tiêu biểu như: Tuý Hồng, Nguyễn Thị Thuỵ Vũ, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng đã thổi luồng sinh khí mới, xác lập địa vị của mình trong toàn cảnh bức tranh văn học miền Nam Việt Nam 1954-1975, góp phần đưa văn học Việt Nam tiến dần vào quỹ đạo của chủ nghĩa hiện đại. Dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh, nhiều tiểu thuyết của các tác giả nữ trong thời kỳ này đã tập trung chủ đề vào nỗi bi đát của thân phận con người, nỗi thất vọng trước cuộc đời. Các phạm trù của chủ nghĩa hiện sinh như hư vô, phi lý, tự do, cô đơn, lo âu, cái chết… được thể hiện trong nhiều tác phẩm mà ngay như tựa đề đã thấy tính chất hiện sinh của nó: *Tình yêu địa ngục, Ngày qua bóng tối, Vòng tay học trò, Buồn như đời người, Một ngày rồi thôi, Năm tháng đìu hiu, Ngày qua bóng tối,...* (Nguyễn Thị Hoàng); *Đêm tối bao la, Chiều mênh mông, Thú hoang, Lao vào lửa, Nhang tàn thắp khuya* (Nguyễn Thị Thụy Vũ); *Sống một ngày, Bóng tối thời con gái, Cô hippy lạc loài* (Nhã Ca). Nguyễn Thị Hoàng là cây bút tiêu biểu của văn học miền Nam trước năm 1975. Nguyễn Thị Hoàng đã góp phần lên tiếng về thân phận, nỗi lo âu, hoài nghi, lạc lõng của người nữ trong những năm tháng đầy bất an và biến động của xã hội miền Nam đương thời. Đến với vũ trụ văn chương của Nguyễn Thị Hoàng tức là đang dự phần vào hành trình xác lập bản sắc nữ thấm đẫm chất hiện sinh. Hành trình hiện sinh của các nhân vật nữ được thể hiện rõ nét qua những nỗi ưu tư và chọn lựa dấn thân.

2. NỘI DUNG

2.1. Vũ trụ ưu tư của những người đàn bà

Chủ nghĩa hiện sinh là triết học về thân phận con người. Vấn đề nhân vị được các triết gia hiện sinh đặt ra để xác định "Con người, anh là ai?". Một trong những biểu hiện xác quyết nhất của một con người hiện sinh là sự ưu tư. Trần Thái Đỉnh nhận định "Ưu tư là bắt đầu vươn lên." (Đỉnh, 2019). Theo đó, con người biết ưu tư, là khi con người đã tự thức tỉnh, nhận thức được cái nhân vị độc đáo của mình trước cái phi lý của cuộc đời. Bàn cờ chính sự những năm 60, 70 của thế kỷ XX đã làm chao đảo đời sống thực, bào mỏng thân phận người và khoét sâu trong tâm thức dân miền Nam những nỗi lo âu, hoài nghi, lạc lõng. Một lần nữa, họ đổ vỡ niềm tin ngay trên mảnh đất mới, nơi họ gieo trồng hy vọng. Là phép cộng của sự mẫn cảm đặc biệt từ bản chất giới cùng với phông nền thời đại, Nguyễn Thị Hoàng thể hiện những ưu tư, trăn trở của người nữ trước hiện thực phi lý, trống rỗng và bất an.

Trong các tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng, ta liên tục kiểu con người ưu tư, hoài nghi, lạc lõng trước hiện thực. Các nhân vật trong truyện Nguyễn Thị Hoàng thường là những cô gái tuổi đôi mươi đầy say đắm, mơ mộng, với nhân diện trẻ trung nhưng già nua, cũ kỹ trong tâm hồn. Tiểu thuyết *Tuổi Sài Gòn* là một vũ trụ ám ảnh người đọc bởi sự trống rỗng của những người trẻ lạc lõng, cô đơn, không phương hướng, mất kết nối. Thứ duy nhất để họ tồn tại là những ly rượu mạnh trong quán bar, vũ trường nhộn nhịp, rạp chiếu phim tối om với ánh đèn hắt bóng. Đó là những trận say sưa, những cuộc di chuyển bất chợt Sài Gòn - Đà Lạt trong đêm cao hứng. Là sự tìm quên, khát sống, thèm yêu, mưu cầu kết nối và được thừa nhận. Nhưng không, hiện thực phi lý, vô nghĩa, chán ngắt ném họ liên tục vào trạng thái hoài nghi và ưu tư về ý nghĩa cuộc đời, về tình yêu, sự cô đơn, thận phận. Chi thương xót bồi hồi, thương cho một thế hệ, và thương cho chính mình "Tuổi trẻ bây giờ thật già cỗi, rã rời với những mê say những ngao ngán cùng cực. Để quằn quại thắc mắc không nguôi. Để khắc khoải kiếm tìm vô vọng. Vui chơi buông thả để tự hủy hoại mình, tự đọa đày mình như sống ở đời là chịu đựng hết những hình phạt phi lý" (Hoàng, 1967).Trước hiện thực đầy rẫy sự phi lý, vô nghĩa, những người trẻ trong truyện Nguyễn Thị Hoàng mang nỗi khủng hoảng hiện sinh sâu sắc. Khủng hoảng hiện sinh tạo ra kiểu người thừa, người vong thân, xa lạ với đời sống và chính mình. Trong tâm thức của họ, quá khứ là khái niệm bị mờ khoè, tương lai chỉ là những cái bóng ảo vọng, còn hiện tại thì hoàn toàn lạc lối và trống rỗng. Mang cảm thức hiện sinh sâu sắc, người trẻ như Chi luôn bị vây khốn bởi sự vong thân, cảm giác xa lạ, chia cắt với chính mình: "Tôi có tôi, đó là một sự thật. Nhưng tôi không chiếm giữ và xác định được tôi ở từng trạng thái biến chuyển. Cho nên không biết tối ở đâu và là ai. Điều đó gờn gợn trong lòng tội những thoáng buồn vô nghĩa, những tháng buồn nhẹ nhàng con gái" (Hoàng, 1967). Cái phi lý trong đời sống này là từ lúc sinh ra, con người không được chọn lựa, chúng ta bị ném vào, bị kết án phải tự do, phải tự thắp đuốc mà đi. Vậy nên cảm giác bất lực không lí giải được về mình, xa lạ và sợ hãi, hoang mang là tâm lý thường trực của những nhân vị hiện sinh. Hiện thực xa lạ, sự ưu tư thường trực làm con người tê buốt và quay quắt, khốn đốn, đến mức Chi tha thiết khi ngồi giữa đám đông: "Chi bỗng thèm ngủ một giấc thật dài, không mộng mị ưu tư. Sự sống chỉ còn là một lết lê khốn cùng bất đắc dĩ, không còn hứng thú, không còn say mê" (Hoàng, 1967). Ưu

tư vì cố cắt nghĩa những cái phi lý của đời sống, nhưng càng cắt nghĩa càng rệu rã chán chường.

Lấy bối cảnh ở đô thị lớn, nhân vật trong truyện Nguyễn Thị Hoàng thường là những trí thức mẫn cảm với cuộc đời, vì thế, hiện thực phi lý trong tác phẩm được đẩy cao đến mức ngột ngạt, thường trực căng thẳng. Hiện thực ấy đậm nét qua lăng kính của một nữ trí thức trẻ, cô giáo Quỳnh Trâm trong *Vòng tay học trò* qua những ưu tư của cô khi độc thoại với mình hay khi đối thoại với các nhân vật khác. Trước sự bất trắc của hiện thực đời sống, con người không tìm thấy đức tin để bấu víu, chiến tranh lại càng khiến họ hoảng sợ và hoài nghi tất cả. Khi Ngữ cho rằng Trâm bi quan, cô đã thẳng thắn: "Trâm có bi quan đâu. Trái lại ấy chứ. Nhưng không tin tưởng gì hết. Hoài nghi chính mình. Con người như một hành tinh bằng cát bụi lơ lửng giữa không gian, bắt đầu băng hư không rồi cũng chấm dứt ở đó. Sống như một di chuyển lạnh lùng. Mỗi người chỉ có thể xây dựng hay tàn phá chính mình. Không có một bàn tay cứu trợ nào khác" (Hoàng, 2021a, p.97). Như vậy, với con người hiện sinh, đức tin duy nhất là chính mình. Nguyễn Thị Hoàng đã để nhân vật được tự do tung tẩy, trượt dài trong hố thẳm của dòng ý thức suy tư, trong thế giới tinh thần không ngừng đảo trộn, không hoàn kết. Người nữ vốn mang bản tính suy tư nhưng họ dễ rơi vào sự luẩn quẩn, bế tắc, rã rời và có phần yếu đuối, uỷ mị như nhân vật người vợ (Hoàng, 2021b), Chi (Hoàng, 1967), Trâm (Hoàng, 2021a), bà Hạnh Nhân (Hoàng, 1973), Huyền, Điệp, Tố Lan (Hoàng, 2021c). Họ dường như sinh ra không phải để suy tư những đại tự sự, song không một số phận nào nằm ngoài vận mệnh của một dân tộc, một thời đại, vậy nên họ không ngừng rơi vào vòng lặp trăn trở, tự truy vấn và hoang mang, trống rỗng.

Nỗi ưu tư hiện sinh thể hiện rõ nét ở những suy lý về tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc của các nhân vật nữ. Truyện của Nguyễn Thị Hoàng không thiên về sự kiện, mâu thuẫn, xung đột, cao trào, cái kết bất ngờ. Nó là phép cộng của những dòng ý thức. Họ chiêm nghiệm về những tiểu tự sự, thậm chí chuyện "tầm thường" của giới mình. Ở vũ trụ đa đoan ấy, hiện thực không phải là cái được phản ánh mà là cái buộc người nữ phải suy ngẫm. Chính điều này đã khiến tác phẩm mang đậm màu sắc hiện sinh, bởi khi con người suy tư về đời sống của chính mình tức là họ đang kiến tạo lại một hiện thực mới. Dù có đôi lúc uỷ mị, yếu lòng nhưng cuộc đời của mỗi nhân vật là một hành trình dài bất tận, không hoàn kết. Điều này còn thể hiện qua cách kết thúc truyện bỏ ngỏ. Bởi đời sống hiện thực là cái dang dở, cái không hoàn kết. Và hiện thực tâm hồn của phụ nữ thì có bao giờ chịu đông cứng, đứng yên? Không một kết án nào cho chuyện tình của Minh và Trâm, không ai biết những thân phận trẻ trong *Tuổi Sài Gòn* sẽ dạt trôi về chốn nào, chẳng ai biết Huyền đi đâu và có trở lại bên Bằng không. Cũng chính vì lẽ đó, những trăn trở của nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng mang đậm chất hiện sinh.

Bên cạnh đó, ưu tư hiện sinh còn được nhận diện qua trạng thái âu lo trước hiện thực đầy bất trắc. Theo quan điểm của các nhà hiện sinh, âu lo là hình thức khác của tâm lí phản tỉnh. Triết gia Martin Heidegger cho rằng bản chất con người là lo âu, tâm trạng chủ yếu của con người là sự sợ hãi. Trong bối cảnh chiến tranh loạn lạc, nỗi ưu tư thường chuyển sang dạng thức hoang mang, âu lo trước cái chết và thân phận. Trong bối cảnh miền Nam bấy giờ, lệnh tổng động viên giục giã, bắt ép, tin tức về cái chết liên tục càng khiến con người bất an hơn. Về phía nữ giới, với bản chất vốn cảm tính, cái mong manh của đời sống càng khiến họ âu lo và khắc khoải đến tột cùng. Cặp vợ chồng trốn chạy trong trong tiểu thuyết *Cuộc tình trong ngục* thất khiến người đọc ám ảnh bởi cảm giác hoang mang, lo sợ tột độ. Từ đầu tác phẩm, Nguyễn Thị Hoàng đã xây dựng không khí tao loạn, nguy hiểm, giục giã đến nghẹt thở. Theo bước chân cuống cuồng của người vợ trẻ đang mang thai chạy đi mua tấm vé, ta cảm giác nếu họ bỏ lỡ tấm vé này thì sẽ lỡ nhau mãi mãi, lỡ đời sống này. Họ đã ngồi ở sân bay từ sáng cho đến chiều tối để được đi chuyến bay cuối cùng về lại Sài Gòn, vì hơn ai hết họ thấu được rằng "ngày mai, cuộc phấn đấu gian nan vẫn còn kéo dài, căng thẳng, lặng lẽ..." (Hoàng, 2021b, p.121). Sự bất ổn của chính sự, sự vô thường của đời sống, sự mong manh của thân phận khiến nhân vật thường trực trong cơn sợ hãi: " Lúc này, sợ tất cả mọi thứ... Không, nói chuyện gì đi anh, đừng im, em sợ." (Hoàng, 2021b, p.181). Tiết tấu tác phẩm càng lúc càng được tác giả kéo căng đến cực độ, đồng nghĩa với sự âu lo, thấp thỏm, hoảng hốt càng xâm chiếm tâm hồn người vợ. Chưa bao giờ ta cảm giác thế gian này là địa ngục đáng sợ đến vậy, và chỉ cần được sống thôi, đã là một thứ đặc ân. Tác phẩm khép lại nhưng ngày mai, trận chiến vẫn tiếp diễn, lưỡi hái tử thần và những bản án cho kẻ đào ngũ vẫn lơ lửng ở đó, còn đứa con của họ số phận sẽ thế nào?

Nhân vật Trâm trong *Vòng tay học trò* dẫu mạnh mẽ, có cá tính độc đáo, dám "tuyên chiến" với truyền thống, dám bước chân vào cấm địa - yêu học trò, vậy mà ở người phụ nữ ấy vẫn không ngừng lo âu. Khi chị Trúc lên thăm, chỉ vài câu hỏi nhẹ nhàng về cậu học trò Duy Minh mà Trâm đã e sợ, nhất là buổi đêm, nằm ngay trên giường mình, trong nhà mình, Trâm có cảm giác mình là một kẻ trộm trong chính nhà mình. Ban đầu, Trâm không dám yêu vì sợ dư luận. Trâm dằn vặt, đau khổ và tranh đấu đến cùng cực. Để rồi khi rơi vào tình yêu với Minh, Trâm cũng dè dặt vì chẳng biết đến bao giờ, luân lý sẽ buộc tội cô và Minh. Bởi thứ đáng sợ với Trâm hơn cả dư luận chính là sợ nó sẽ cướp mất đi tình yêu, mộng ước đẹp đẽ, nguồn sáng duy nhất của cô. Hiện thực mong manh, bất an khiến con người nảy sinh những dự cảm về tương lai. Nỗi âu lo về sự

chia xa in hằn trong nhân vật Nguyện, Hảo (Hoàng, 2021d), Chi (Hoàng, 1967), Tố Lan, Huyền, Điệp (Hoàng, 2021c), Nhung (Hoàng, 1979). Dường như càng sống, nhân vật càng bị trói buộc bởi nhiều nỗi sợ, và thời gian càng khiến họ bất an, vì sống tức là đang chết, sống là đang làm những cuộc chia ly. Cái bất trắc, mong manh của đời sống đặc biệt được Nguyễn Thị Hoàng khai thác tối đa qua sự mờ nhoè về thời gian. Thời gian trong truyện ít khi được xác định cụ thể rõ ràng ngày, tháng, năm, buổi nào. Nó là những cuộc hẹn lửng lơ chiều nay, tối nay, mai, một ngày nào đó sẽ gặp lại. Họ bị lạc đi trong khái niệm thời gian của chính mình, nhân vật dường như không đối thoại với kẻ khác mà đang đối thoại với chính mình. Việc mờ hoá thời gian này khiến cho câu chuyện dường như không có "thân phận" cụ thể, hoặc nó là câu chuyện của mọi thân phận, mọi kiếp người, có thể xảy ra ở bất kỳ thời đại nào. Đôi khi thời gian hiện tại chỉ là cái cớ để họ kể một câu chuyện cũ, nhớ về một đoạn đời đã chia lìa. Liên tục hoài nghi, suy tư, tự vấn chính là biểu hiện của kiểu con người hiện sinh.

Bà Hạnh Nhân (Hoàng, 1973) luôn bị vây khốn bởi nỗi bất an về hiện tại: "Tôi lạnh người nghĩ đến ngày mai. Nghĩ đến những ngày mai. Tôi chợt thèm chết. Hoặc làm một cái gì đó để đáng chết đi trong đời sống bỗng cảm thấy thừa như thế này" (Hoàng, 1973). Bà đã chọn yêu, nhưng khi ở trong trong hiện tại của tình yêu, nỗi ám ảnh ấy vẫn không thôi buông tha: "Tôi nằm xuống lần nữa, dưới thảm có xanh êm. Đầu tôi trên chân Di...Nhưng mà bây giờ chỉ là bây giờ. Bây giờ không thể là một lúc nào khác trong tương lai. Bây giờ không còn lại trong ngày mai, hay bất cứ một ngày nào khác. Bây giờ sẽ chết đi. Sẽ mất dầu. Mãi mãi. Bây giờ chỉ tới, chỉ có, chỉ có thật môi một lần, một khoảnh khắc, ngắn ngủi, vội vàng. Và khoảnh khắc đó sẽ mất trôi đi, sẽ hút bóng. Nó đang mất, đang trôi đi khi tôi nhìn và bắt gặp Di và phút bây giờ dàn trải trước mặt rỡ ràng như thế đó" (Hoàng, 1973). Con người hiện sinh không chỉ ý thức được sâu sắc những ngẫu nhiên và nghịch cảnh mà còn nhạy cảm với sự hữu hạn của đời sống, với giới hạn của con người. Và khi không thể chống lại cái chết, khi phải một mình đối diện với định mệnh nghiệt ngã, con người thấm thía thân phận cô đơn của mình. "Em là tôi. Tôi là em. Chúng mình là những cái bóng thoáng hiện phút giây, diễm ảo và mong manh, trên vòm ánh sáng đời nhỏ bé. Nắng rồi sẽ tắt. Ngày rồi tan vơi. Không ai còn lại được gì sau một lần sung sướng. Hạnh phúc cũng như tội lỗi, rồi sẽ chìm lấp cuốn hút vào cơn gió lốc thời gian. Mỗi con người tôi hay em chỉ được một phút giây hiện tại. Sau đó, hoài niệm là một lời van xin tuyệt vọng, một thái độ bi quan bất lực". (Hoàng, 1973).

Đi sâu vào hiện thực phi lý và bất trắc cùng những dự cảm của các nhân vật nữ trong truyện Nguyễn Thị Hoàng, ta nhận ra điểm chung giữa họ. Hoá ra, căn nguyên của những dự cảm bất an ấy xuất phát từ *khao khát cuộc sống bình yên - một lẽ bình yên rất giản dị, rất đời thường của những người phụ nữ*. Dù những nhân vật nữ trong truyện đa số là những nữ trí thức, được thụ hưởng bầu khí quyển tự do, tự lập, có lúc bất cần, đối kháng nhưng trong sâu thẳm, họ vẫn mang những nỗi bất an của nhi nữ thường tình. Bởi như mẫu số chung của tất cả phụ nữ muôn đời, có ai lại không thèm một hạnh phúc bình yên, một niềm yêu giản dị? Như vậy, hiện thực đời sống đầy bất trắc đã phản chiếu những khuôn mặt nữ giới mang đậm màu sắc âu lo, ưu tư.

2.2. Chọn lựa và dấn thân – hành trình khẳng định nhân vị đàn bà

Triết gia hiện sinh Jean Paul Sartre từng khẳng định rằng "con người không là gì khác hơn những gì họ tự tạo ra từ chính mình. Đấy chính là nguyên tắc đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh". Sartre được xem như ông tổ của thuyết hiện sinh với một "luận điểm đầy khiêu khích rằng con người bị kết án phải tự do. Lời mời gọi mang tính hiện sinh của ông đã trở thành niềm tin của một thế hệ rằng: đối diện với cái chết - thứ tất yếu sẽ xảy đến, con người không thể đặt niềm tin và trông chờ vào một thiên đường hay thế giới ở những kiếp sống khác nữa, mà con người buộc phải tạo dựng cuộc sống tại đây và bây giờ (now and here) một cách cương quyết và tự do" (Walther, 2020). Trước hiện thực bi thảm, trước cái phi lý của đời sống, trước cái hữu hạn, vô thường của thời gian, con người - nhân vị hiện sinh buộc phải nhập cuộc, phải lựa chọn một cách thế sống cho riêng mình. Và tình yêu là một cách nhập cuộc trên hành trình truy tìm bản ngã của con người. Trong *Dục tính và văn minh* (Herbert, 1973), Herbert Marcuse đã kế thừa tư tưởng của Freud, khẳng định hai lực đẩy mạnh mẽ con người là Thanatos (bản năng chết) và Eros (bản năng sống). Ngọn lửa "giải phóng" cơ thể của phương Tây trở nên sôi nổi, nó khơi dậy và làm rạo rực những trái tim trẻ ở miền Nam bấy giờ. Bên cạnh đó, âm hưởng cuộc chiến mỗi ngày cứ rệu rã, căng thẳng, hoang mang, bất an, vô vọng luôn vây khốn. Vậy nên khẳng định mình trong tình yêu và tính dục chính là biểu hiện của niềm khao khát sống mạnh mẽ.

Tình yêu - sự cứu rỗi hay nhấn chìm

Tình yêu là đề tài nổi trội trong các sáng tác của Nguyễn Thị Hoàng. Khảo sát các câu chuyện tình yêu của Nguyễn Thị Hoàng, câu chuyện cuộc đời, số phận mong manh của người nào cũng xoay quanh tình yêu. Dù đau khổ, bị bội phản, thì tình yêu vẫn là cách để nhân vật xác tín bản ngã của mình mạnh mẽ nhất. Đó là kiểu tình yêu gắn với kiểu người đàn bà truyền thống với đức hy sinh, vị tha như nhân vật người vợ tìm mua tấm vé cho chồng trốn lính, bất chấp hiểm nguy trong *Cuộc tình trong ngục thất*. Những nét đẹp này của người nữ còn được thể hiện ở Huyền trong *Tiếng chuông gọi người tình trở về*, nàng hết lòng vì chồng, tìm chồng, hiểu

chồng. Hay bà Vĩnh Hoài trong *Một ngày rồi thôi*, chấp nhận bỏ đi, sống tháng ngày đơn độc đến cuối đời, chỉ vì một lẽ yêu thương, hy sinh giản dị mà nặng lòng của người phụ nữ. Suy cho cùng, sự hy sinh, thương yêu chân thành, vị tha vẫn là mẫu số chung của đàn bà khi yêu.

Tình yêu thường xuất hiện trong truyện Nguyễn Thị Hoàng mang lại cảm giác hoan lạc, ngây ngất, mãnh liệt. Đó là Chi vốn giữ kẽ, tẻ nhạt và đề phòng, vậy mà rơi vào đôi mắt thăm thẳm ái tình của Toàn, cô đã yêu khờ dại, yêu đến quên mình, yêu bất chấp những hờn ghen, tủi xót. Bà Hạnh Nhân trong *Bây giờ và mãi mãi* cho ta nếm cái ngây ngất trong tình yêu của người đàn bà đã qua tuổi trung niên. Một người đàn bà đẹp, từng trải, sâu sắc, kiên quyết không yêu nữa, bởi đã đi qua bao nhiêu say đắm và bẽ bàng để hiểu ái tình là một cuộc chơi nguy hiểm. Vậy mà tất cả lớp phòng thủ vững vàng của lí trí và kinh nghiệm ấy lại bại trận trước cậu thanh niên trẻ tên Di. Người đàn bà đã đi qua những mùa xuân thơ dại và ngày hè bỏng cháy vậy mà có lúc chết đi chỉ vì một tiếng "em" của người tình. Người đàn bà ấy dường như yêu một cách si mê gấp gáp ở buổi hoàng hôn cuộc đời, nên từng khắc đều nâng niu, trân quý đến xót xa: "Một thứ gì khác. Yên lặng. Đắm đuối. Xót xa. Lâu dài. Không thể không có. Không thể hủy diệt. Không thể lãng quên. Có nhau, nhìn nhau, và cầm thầy đầy tràn, mênh mông, sung sướng. Như thế đó. Không kém" (Hoàng, 1973). Vì biết tình yêu nào rồi cũng sẽ là những mùa xuân phai, nên càng phải hân hưởng thật trọn vẹn. Nhìn ngắm bà Hạnh Nhân trong tình yêu, ta nhận ra mổ lẽ giản dị rằng: đàn bà, tuổi nào cũng đẹp. Những người đàn bà rực rỡ trong hư hao, được thời gian và đời sống đắp bồi vạn ngàn vết cứa, xây xước, khi yêu lại càng thêm quyến rũ và đáng yêu. Bởi một trái tim đã đôi lần "rách nát" một khi được đánh thức lần nữa thì sẽ ngân rung mạnh mẽ, nhiệt thành, bi mẫn hơn với đời, biết yêu - ghét kiên định hơn, biết bao dung, vị tha hơn với người. Hạnh phúc cũng ngọt ngào và nước mắt cũng mặn mà hơn.

Nguyễn Thị Hoàng có phần thích thú với kiểu tình yêu éo le, thậm chí trái với luân thường đạo lý. Dám dấn thân trong tình yêu trái với đạo lý cũng là tiếng nói mãnh liệt khẳng định nhân vị đàn bà mãnh liệt của nhân vật Trâm trong *Vòng tay học trò*. Mối tình của cô giáo Quỳnh Trâm và cậu học trò Duy Minh là thứ tình yêu cấm kị, vượt khuôn khổ đạo đức. Song, là một kẻ hiện sinh, với ý chí của kẻ luôn xa lạ và phủ nhận đời sống này, Trâm lẫn Minh đều ý thức mình là "nạn nhân của một bối cảnh phi lí nên hành động phi lí". Vậy nên, dưới góc nhìn của Trâm, đó chỉ đơn thuần là tình yêu, là sự đồng điệu riêng tư nhất của hai tâm hồn. Họ tìm đến nhau để ủi an, sưởi ấm, để thắp lên ánh lửa đời dẫu chỉ trong khoảnh khắc. Trâm tìm đến tình yêu như sự cứu cánh đối với cuộc đời phi lý, vô nghĩa, trống rỗng, đầy bất trắc. Được ở trong tình yêu, Trâm dịu lòng, không phản kháng, không tranh đấu. Cuộc tình oan trái là minh chứng cho việc con người ta luôn khao khát tìm kiếm ý nghĩa sự hiện tồn thực sự của mình. Vì lẽ đó, tình yêu trong sáng tác của Nguyễn Thị Hoàng đã chạm đến những vấn đề nhân bản của con người. Chỉ với tình yêu, con người mới thực sự trút bỏ hết mọi tấm áo giáp, mặt nạ của mình để "trần trụi" và hồn nhiên tìm chính mình trên hành trình vong thân. *Vòng tay học trò* vì thế vẫn luôn được đón nhận, được tái bản sau mấy mươi năm vắng bóng trên văn đàn, và niềm say sưa về nó vẫn chưa bao giờ bị chối bỏ.

Tình yêu trong tâm thức các nhân vật không chỉ dừng lại ở những xúc cảm mãnh liệt mà khao khát vươn đến sự thấu hiểu, đồng điệu. Là người phụ nữ đẹp, có tri thức, Trâm có bao kẻ si mê, có đời sống hoan lạc ở Sài Gòn. Nhưng khi thức tỉnh, nhận ra chỉ là hư ảo, Trâm đã bỏ tất cả lên Đà Lạt, ngỡ như không bao giờ yêu nữa, vậy mà rơi ngay vào cuộc yêu với cậu học trò. Tại sao giữa vạn ngàn con đường dễ dàng hơn, Trâm lại đi vào nơi gai góc vậy? Bởi một lẽ duy nhất thôi, ở Minh, Trâm tìm thấy thứ tình thuần khiết và chân thành. Và cao hơn cả là tình thương - thứ xa xỉ mà Trâm không thể tìm thấy ở những người đàn ông đã yêu cô, đang theo đuổi cô ngoài kia. Trâm đã thẳng thắn với Ngữ "Tôi đã nói, tôi không cần gì cả. Địa vị, tiền bạc. Bề ngoài. Không. Tôi chỉ cần một thứ, một thứ tìm mãi không hề có, hoặc có mà không thể giữ được với mình. Tình thương" (Hoàng, 2021b, p.104). Như vậy, cái đẹp và đáng trân trọng nhất trong tình yêu của các nhân vật nằm ở khao khát sự đồng điệu tuyệt đối giữa hai tâm hồn. Bà Hạnh Nhân trong *Bây giờ và mãi mãi* cũng vậy, bà và Di yêu nhau vì một lẽ giản đơn mà tối thượng thiêng liêng "Không ai cấm đoán tôi điều gì hết, kể cả lương tâm. Bởi cho cùng thì đôi với tình yêu hay tình ái, lương tâm chẳng nghĩa lý gì cả. Nhưng mà đôi với Di, mà tôi hiểu, cả Di đôi với tôi cũng vậy, không phải là những thứ dây lửa rơm ngun ngút của rung động và yêu đương ràng buộc vào nhau." (Hoàng, 1973).

Tuy nhiên, tình yêu cũng như thân phận người, không thoát khỏi định mệnh của sự chia ly và cái chết. Tình yêu trong những nhân vị hiện sinh lại càng khắc khoải và mong manh, khó lường hơn. Bi kịch, đổ vỡ, gãy đứt luôn song hành với hạnh phúc. Càng yêu tha thiết càng cô đơn tột độ. Cái kết tình yêu trong truyện Nguyễn Thị Hoàng chưa bao giờ viên mãn và ngọt ngào. Có nhiều lí do để giết chết tình yêu trong mỗi nhân vật. Nhưng Nguyễn Thị Hoàng đã để tình yêu làm cuộc vong thân với chính mình. Có gì chua xót hơn khi chính tay bà Hạnh Nhân (Hoàng, 1973) đã bóp còi giết chết Di (một cuộc ngộ sát) trong cảnh quay cuối cùng. Tưởng rằng Di đã bất chấp bỏ lại Trang, họ sẽ trở về Sài Gòn bên nhau, vậy mà tình yêu đã ra đi tàn khốc, để lại nỗi thống khổ đến câm lặng cho bà kẻ ở lại. Tình yêu thuở nào của Huyền và Bằng trong *Tiếng chuông gọi người tình*

trở về bỗng nhiên một ngày vỡ tan. Khi Bằng trở về cũng là lúc Huyền chọn cách ra đi, bởi cái cô tìm không phải là một nhân dạng, một cái xác, một người chồng mà là tình yêu của Bằng như thuở ban đầu. Tình yêu của họ đã giãy chết vì cuộc sống nhàn nhạt của hôn nhân, của cái khao khát đã được sở hữu, chết vì nó "đói" tình yêu, vì những cơn ghen hờn mơ hồ. Với Huyền, "tình yêu là một loài chim quý kén ăn. Thiếu chất bố nuôi dưỡng, nó bay đi, hay giãy chết" (Hoàng, 2021c, p.238). Tình yêu của họ đã mãi bay đi, có chăng hồi chuông gọi người tình trở về chỉ còn gióng giả trong vô vọng. Điệp vì sự kiêu hãnh khờ khạo của mình đã đánh mất tình yêu đích thực mãi mãi, để rồi vùi mình trong cuộc hôn nhân với người không yêu. Tình yêu, cần ân cần, cần tranh đấu, cần tỏ bày, cần kiên tâm để nó được sống. Chỉ một phút lạc lối, sơ sẩy thôi, con chim quý ấy có thể sổ lồng bay mất.

Trâm trong *Vòng tay học trò* có lẽ là đáng thương nhất. Bởi cô yêu bất chấp nhưng rồi cũng chính tình yêu cô ấy đã gây bi kịch cho cô. Bi kịch chua chát nhất của Trâm không phải vì sự cấm kỵ mà vì cô nhận ra sự bội phản ở người mình yêu. Minh đi qua đêm với cô gái khác, lại là một cô gái trẻ như nhát dao cứa vào Trâm. Khi Minh chỉ nói đùa, "Mắt Trâm bỗng nhức buốt trước một vùng tuyết băng trắng xóa. Không còn cây cỏ xanh tươi. Không còn màu trời mờ đục thuỷ ngân gần gũi trên đầu. Không còn dấu vết của những sinh vật thoáng qua. Tôi rơi vào khoảng không. Tôi bị ném vào một vực sâu không đáy. Lạnh buốt khắp xương da cho đến phút giây bị đập nát xuống một bờ đá âm u nào đó. Mảnh vỡ những hành tinh ngập lụt thi hài tôi. Tôi quằn quại với những vết thương, soi thấy bóng mình một lần cuối lờ mờ trong hồ nước băng giá như gương" (Hoàng, 2021a, p.268). Nhưng khi bình tĩnh lại, Trâm thẳng thắn và kiêu hãnh dứt khoát: "Nếu vì dư luận, vì ngại cho tôi mà bỏ đi, tôi sẽ ngăn Minh lại. Nhưng nếu tự Minh muốn đi vì một lẽ khác, cứ đi đi, tôi đưa Minh về đời sống cũ, còn tôi, có lẽ cũng thế thôi" (Hoàng, 2021a, p.267). Như vậy, dù yêu hay không yêu, hoan lạc sung sướng hay chấp chới trong bi kịch thì người nữ trong truyện Nguyễn Thị Hoàng vẫn ý thức sâu sắc về nhân vị của mình trong tình yêu. Họ chủ động và quyết liệt, họ chân thành và kiêu hãnh. Đó chính là biểu hiện của ý thức về giới một cách sâu sắc. Với Nguyễn Thị Hoàng, dẫu viết nội dung nào, thể nghiệm trên thể loại văn học nào, dù tuổi đôi mươi khờ dại hay đi qua năm rộng tháng dài của cuộc đời, người phụ nữ ấy vẫn thành thật viết về mình, về những vấn đề nhân bản nhất của giới mình - hạnh phúc và tình yêu.

Tính dục như một phương tiện để xác tín bản ngã

Con người với bản năng tính dục cũng là một biểu hiện của cảm quan hiện sinh. Bản năng tính dục thể hiện những nhận thức về cơ thể của con người, đồng thời là những sự hấp dẫn, nhu cầu tiếp xúc về tình cảm và tình dục. Dĩ nhiên, tính dục vốn không phải con đường duy nhất để khẳng định bản ngã, song nó là hoạt động tự nhiên và là những khao khát nhân bản nhất của con người. Nguyễn Thị Hoàng đã dám thể hiện yếu tố tính dục một cách trực diện và táo bạo, đặc biệt là trong tác phẩm *Vòng tay học trò*. Bà không né tránh việc miêu tả những cảnh ân ái, những ham muốn thể xác của nhân vật. Vào giữa thế kỷ XX, Francoise Sagan đã táo bạo mô tả cảm giác của người con gái lần đầu tiên có quan hệ tình dục, lại là quan hệ tự nguyện, quan hệ để khám phá, đã gây ra một cái "sốc" lớn trong xã hội Pháp. Nguyễn Thị Hoàng đã dũng cảm khi trình làng những ham muốn thể xác của một cô giáo giữa xã hội Á Đông. Trâm không ngần ngại chủ động tìm kiếm và thể hiện ham muốn, coi đó là một phần tự nhiên, chân chính của con người.

Tuy nhiên, cách thể hiện tính dục của Nguyễn Thị Hoàng không chỉ dừng lại ở sự táo bạo, mà mang những ý nghĩa sâu xa hơn. Đối với bà, tính dục là một phương tiện để khẳng định bản ngã, giải phóng con người, đặc biệt là người phụ nữ, khỏi những ràng buộc của xã hội và luân lý. Qua đó, Nguyễn Thị Hoàng tập trung vào mâu thuẫn nội tâm và sự thức tỉnh về tính dục, phản ánh khát vọng tự do yêu đương và đấu tranh với chuẩn mực xã hội. Chính cách thể hiện tính dục độc đáo này đã góp phần tạo nên phong cách riêng cho Nguyễn Thị Hoàng, đồng thời khẳng định tiếng nói nữ quyền trong dòng chảy văn học miền Nam. Thế Uyên trong *Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1954 - 1975* đã nhận định độ táo bạo trong sex của Nguyễn Thị Hoàng xếp sau 3 cây bút nữ: Tuý Hồng, Nguyễn Thị Thuỵ Vũ, Nhã Ca. "Chỉ có vậy thôi, nhiều chữ nghĩa bóng bẩy, còn về thực chất, cụ thể, đâu có gì là quá mặn, quá sexy. Nếu cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng đã gây ồn ào dư luận một thời, nguyên nhân nằm ở chỗ khác, là vấn đề đạo lý. Như tên cuốn sách đã chỉ rõ, vấn đề là *Vòng tay học trò*". (Uyên, 2021)

Tính dục trong tác phẩm của Nguyễn Thị Hoàng luôn gắn liền với tình yêu, thể hiện sự hòa quyện giữa thể xác và tâm hồn, sự khao khát được yêu thương và được sống trọn vẹn với tình yêu. Điều này khác với những nhà văn nữ cùng thời như Nguyễn Thị Thuỵ Vũ, Tuý Hồng. Tính dục trong truyện của Nguyễn Thị Thuỵ Vũ gắn với những bi kịch, thậm chí là sự tha hoá của con người. Nhân vật của bà thường bị giằng xé bởi những ham muốn bản năng và những quy chuẩn đạo đức xã hội. Với Tuý Hồng, tính dục thường gắn liền với những nỗi đau, thất vọng, và mất mát. Nhân vật nữ thường là nạn nhân của những định kiến xã hội, bị áp bức, bóc lột, và chà đạp. Tuy nhiên, tính dục trong truyện Túy Hồng cũng thường gắn liền với những khát khao về tình yêu lãng mạn, trong sáng. Cách miêu tả tính dục của Nguyễn Thị Thụy Vũ thường mang màu sắc u ám, tăm tối, phản ánh những góc khuất trong tâm hồn con người và những bất ổn của xã hội. Trong một số tác phẩm,

tính dục được sử dụng như một công cụ để thể hiện quyền lực, sự áp bức, hoặc sự tha hóa của con người. Còn cách miêu tả tính dục của Túy Hồng thường mang tính chất tâm lý, thể hiện sự yếu đuối, mong manh của người phụ nữ trước những cám dỗ và cạm bẫy của cuộc đời. Cách miêu tả về tính dục của Nguyễn Thị Hoàng cũng mang đặc trưng riêng, duyên dáng, ý nhị, vừa táo bạo vừa lơ lửng, vừa hiện hữu vừa mơ hồ. Sự khác biệt trong cách thể hiện tính dục của các tác giả nữ phản ánh đa dạng góc nhìn và trải nghiệm của phụ nữ trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1954-1975, đồng thời góp phần làm phong phú nền văn học Việt Nam với những tiếng nói nữ quyền mạnh mẽ và sâu sắc. Từ đó, ta cũng nhận ra bộ mặt đàn bà rất riêng của Nguyễn Thị Hoàng khi hoạ khuôn mặt giới mình.

Nếu để nói về yếu tố tính dục trong văn Nguyễn Thị Hoàng thì có thể gói trong một từ: ám gợi. Văn của Nguyễn Thị Hoàng vốn đã giàu sức ám gợi từ miêu tả thiên nhiên đến cung cách con người. Văn bà đẹp kiêu kỳ, uyển chuyển như nước, gợi cảm như lụa. Không miêu tả trần trụi, song những khao khát vượt rào, những rung động vi tế, những đê mê của cơ thể luôn được nhà văn dẫn dụ. Bản hoà điệu của thân xác trong truyện Nguyễn Thị Hoàng đôi khi rất vi tế, chỉ là những cái chạm rất khẽ. Đó là thứ ngôn ngữ của ái tình, của xúc chạm lãng mạn đến tê dại trong *Bây giờ và mãi mãi*: "Tôi đặt bàn tay Di giữa lòng bàn tay tôi, và thật chậm, thật dịu, tôi ấp yêu như vuốt ve một phiên trắc bá diệp mỏng manh, và tôi nghĩ, rất nhanh, không phải bất cứ lúc nào, từ đây, ta muốn có bàn tay này trong tay ta cũng được, dù chỉ là bàn tay yêu dầu này, dù chỉ là niềm xúc động mãnh liệt rỡ ràng này, cũng sẽ không bao giờ, không bao giờ còn nữa." (Hoàng, 1973). Với phụ nữ, tình yêu đôi lúc vô ngôn, nó là sợi dây vô hình vi tế mong manh của khoảng không tâm hồn, ở đó, đôi tâm hồn được nghỉ ngơi "Bởi vì... bởi vì ..làm sao có thể giải thích như thế... làm sao cắt nghĩa được nguyên do. Không có nguyên do nào hết. Tôi yêu Di. Yêu Di. Yêu Di quá chừng". Chỉ một kết cuộc nào đó mới chứng tỏ ta yêu một người tới mức nào. Hoặc là những mảnh vụn cử chỉ, xúc động, phản ứng, qua những sự kiện chồng chất, tầm thường và nhàm nhạt đúc kết lại mới mong diễn đạt một phần triệu tình yêu ta đầy tràn ngập lụt trong lòng. Còn là những lời nói vô nghĩa, Không đủ." (Hoàng, 1973)

Sự ám gợi ấy thể hiện ở bản năng đàn bà của Trâm khi chăm sóc cậu học trò Minh được miêu tả không quá lộ liễu nhưng vô cùng khơi gợi và kích thích: "Bàn tay bé nhỏ của Trâm ngập ngừng đưa xuống bờ vai Minh. Hơi nóng từ da thịt người con trai như bốc lên tấm áo len dày" (Hoàng, 2021a, p.168). Đặc biệt, Nguyễn Thị Hoàng đã có thêm một kiến giải về tính dục rằng: khoái lạc ở trạng thái cao nhất đôi khi không nằm ở thân xác, mà từ chính những ảo mộng, tơ tưởng, từ cái men nồng đượm nhất của xúc cảm. Điều này thể hiện rõ nét qua những khao khát, mơ tưởng, giữa cơn say tỉnh, mơ sảng của Trâm. "Trong mê sảng, Trâm có cảm giác như một đôi môi nóng bỏng nào chồm lên mái tóc mình xõa dài sông đêm trên mặt gối... Những ngón tay Trâm bất động thiếp mê một phút trong tay Minh rồi trở mình xoay nhẹ, xoay nhẹ như tiếng trục đối chiều của một bánh xe hoảng hốt đuổi theo cái bóng lờ mờ thoắt hiện ở một ngã ba đời huyền hoặc" (Hoàng, 2021a, p.170). Hoá ra, cái đắm say sung sướng tột cùng của ân ái muôn đời vẫn khởi thuỷ và được đốt cháy bởi men tình, bởi những xúc cảm chân thật và ban sơ nhất của con người.

Nguyễn Thị Hoàng không miêu tả tính dục một cách trực tiếp, trần trụi. Thay vào đó, bà sử dụng ngôn ngữ giàu chất thơ và ẩn dụ để khơi gợi cảm xúc, làm nổi bật sự tinh tế trong cách tiếp cận tính dục. Những hình ảnh như "vòng tay", "làn da nóng bỏng", "cơn mưa rào" thường được dùng để gợi mở về tính dục một cách đầy tế nhị, đồng thời nhấn mạnh tính chất mơ hồ, vừa khát khao vừa đau đớn của nó. Tính dục trong văn Nguyễn Thị Hoàng không chỉ là một yếu tố gây tranh cãi mà còn là một cách để bà khám phá những tầng sâu của tâm hồn con người, đặc biệt là phụ nữ. Qua đó, bà thể hiện sự phá vỡ những khuôn mẫu truyền thống, đồng thời mang đến một góc nhìn hiện đại, táo bạo và đầy sức sống cho văn học Việt Nam. Tính dục trong văn của bà vừa là bản năng, vừa là triết lý, đan xen giữa khát vọng tự do và sự cô đơn hiện sinh, tạo nên dấu ấn độc đáo và khác biệt.

3. KẾT LUẬN

Ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh đến những sáng tác trong giai đoạn 1954 – 1975 đã khiến cho văn học ở đô thị miền Nam Việt Nam có một diện mạo riêng, đặc sắc. Tồn tại song song và dần xác lập bản sắc riêng của giới mình, các cây bút nữ giai đoạn này đã viết như làm cuộc dấn thân trên hành trình khám phá bản ngã chân thật. Cùng với hàng loạt cây bút nữ độc đáo khác, Nguyễn Thị Hoàng nỗ lực xác lập vị trí phái mình trong địa hạt văn chương. Với bản lĩnh, tài năng và những trải nghiệm của mình, Nguyễn Thị Hoàng không ngần ngại "đối thoại" với văn học, xã hội về những vấn đề của người nữ. Văn chương của Nguyễn Thị Hoàng là tấm gương phản chiếu chính mình. Các nhân vật nữ của Nguyễn Thị Hoàng đều mang những ám ảnh hiện sinh như âu lo, hoài nghi, lạc lõng, ưu tư, cô đơn trước hiện thực phi lý, trống rỗng, bất an. Trước những ám ảnh hiện sinh ấy, tình yêu và tính dục là cách nhân vật chọn lựa để dấn thân trên hành trình khẳng định nhân vị của mình. Nguyễn Thị Hoàng thẳng thắn với tình yêu và tính dục. Thông quan tính dục, tác giả đi vào khai thác khía cạnh hiện hữu, đặc trưng hiện hữu của sinh mệnh. Có thể nói, nhờ thẳng thắn đi vào chỗ "cấm kỵ"

ấy, Nguyễn Thị Hoàng đã mở ra chiều kích suy tư về tình yêu và hạnh phúc dưới góc độ nữ giới. Đó là tư tưởng tự do, chịu trách nhiệm và tự quyết định với các lựa chọn của mình; khẳng định các nhu cầu chính đáng của bản thân. Hành trình dấn thân của các nhân vật cũng chính là tiếng nói khát khao đòi quyền sống, quyền được tự do, được giải phóng của người phụ nữ hiện đại. Với Nguyễn Thị Hoàng, sống tức là sinh ra mình, tạo nên mình, cuộc đời bà gói trong ba động từ mãi không hoàn kết: sống - yêu - viết. Viết chính là một hành động tự do, là một hành vi tự đối diện với mình và với độc giả. Thật khó để định danh một con người, bởi Nguyễn Thị Hoàng là một danh từ với ý nghĩa trọn vẹn nhất, đời nhất, đàn bà nhất. Dẫu chỉ là một thoáng trong kiếp sống phi lý này nhưng Nguyễn Thị Hoàng đã thành thật và dũng cảm lựa chọn dấn thân để rực rỡ giữa nhân gian. Đọc văn Nguyễn Thị Hoàng chính là hành trình dự phần vào cuộc phiêu lưu của những tiếng nói, thấm đẫm cảm thức hiện sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anh, T.H. (2020). *Nhà văn nữ – nhìn từ tâm lý sáng tạo mang đặc điểm giới trong phê bình văn học miền Nam trước 1975*. Truy cập từ 28/12/2024, từ vanhocsaigon.com.

Anh, T.P.V. (2021). *Cảm thức hiện sinh trong tiểu thuyết Nguyễn Thị Hoàng và Nguyễn Thị Thuỵ Vũ.* (Báo cáo Tổng kết đề tài Khoa học và Công nghệ cấp trường năm 2021 Đại học Huế, trường Đại học Sư phạm).

Đỉnh, T.T. (2019). *Triết học hiên sinh*. Truy cập từ 30/12/2024, từ www.studocu.vn.

Herbert, M. (1973). *Dục tính và văn minh* (Hoàng Thiên Nguyễn, dịch). Nxb: Kinh Thi.

Hoàng, N.T. (1967). *Tuổi Sài Gòn*. Nxb: Sống mới.

Hoàng, N.T. (1973). *Bây giờ và mãi mãi*. Hà Nội: Nxb: Đời mới.

Hoàng, N.T. (1979), *Ngày qua bóng tối*. Truy cập từ 30/12/2024, từ vietmessenger.com.

Hoàng, N.T. (2021a). *Vòng tay học trò*. Hà Nội: Nxb: Nhã Nam.

Hoàng, N.T. (2021b). *Cuộc tình trong ngục thất*. Hà Nội: Nxb: Nhã Nam.

Hoàng, N.T. (2021c), *Tiếng chuông gọi người tình trở về*. Hà Nội: Nxb: Nhã Nam.

Hoàng, N.T. (2021d), *Một ngày rồi thôi*. Hà Nội: NxB: Nhã Nam.

Trung, N.V. (1964). *Một vài cảm nghĩ về con người phản kháng của Albert Camus. Tạp chí Văn học*, (02).

Uyên, T. (2021). *Tình dục và các nhà văn nữ*. Truy cập 02/11/2024, từ thuvien.datviet.com.

Walther Z. (2020). *Sartre trong 60 phút* (Tô Tuấn Lưu, dịch). Hà Nội: Nxb: Hồng Đức.

Existential anxiety and commitment in Nguyen Thi Hoang's novels

Duong Ngoc To Uyen

Dong A University, Da Nang

ARTICLE INFO

Article history:
Received 02 October 2024
Received in revised form 31 December 2024
Accepted 02 January 2025
Published 20 October 2025

Keywords:
Nguyen Thi Hoang
Novel
Existentialism
Existential anxiety
Commitment

Corresponding author:
Duong Ngoc To Uyen
E-mail address:
duongngoctouyen96@gmail.com

ABSTRACT

Nguyen Thi Hoang is one of the typical female writers of Southern Vietnamese literature in the period 1954-1975. For her, writing is a choice, a commitment, an existentialist response from a female perspective. The reality depicted in Nguyễn Thị Hoàng's novels is filled with absurdity, emptiness, and uncertainty, which pushes individuals into a universe of anxiety, premonition, and worry. At the same time, they must constantly make choices and commit themselves to the journey of affirming their personal value. Using a structural-systemic approach, this article focuses on the manifestations of existentialism in Nguyen Thi Hoang's novel through two main aspects: anxiety and commitment.